TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/DS-PT
Ngày: 07-02-2018
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Như

Các Thẩm phán: Bà Nông Biên Hòa

Bà Nguyễn Thị Vân Khánh

- Thư ký phiên toà: Bà Ma Thị Huyên - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 02 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng. Xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2017/TLPT-DS ngày 12 tháng 10 năm 2017 về việc: *Tranh chấp quyền sử dụng đất*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 13/2018/QĐ-PT ngày 23 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị B - Sinh năm: 1953

Địa chỉ: Xóm Phia G, xã Đức L, huyện X, tỉnh Cao Bằng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lâm Văn N, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Xóm Phia G, xã Đức L, huyện X, tỉnh Cao Bằng. Có mặt

- *Bị đơn:* Ông Lâm Văn T - Sinh năm: 1960

Địa chỉ: Xóm Phia G, xã Đức L, huyện X, tỉnh Cao Bằng. Có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. UBND huyện X, tỉnh Cao Bằng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bế Đặng C - Chủ tịch UBND huyện X.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu T - Phó Chủ tịch UBND huyện X. Có mặt

2. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) chi nhánh X. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Bế Hồng N - Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh. Văn bản ủy quyền ngày 19/01/2018. Có mặt

3. Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất chi nhánh huyện X tỉnh Cao Bằng. Có ông Bế Ích H - Kỹ thuật viên, theo văn bản ủy quyền ngày 06/02/2018. Có mặt

4. Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1967

Trú tại: Xóm Phia G, xã Đức L, huyện X, tỉnh Cao Bằng. Có mặt

5. Bà Trịnh Thị T, sinh năm 1931

Trú tại: Tổ 6, phường Y, TP Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Người đại diện theo ủy quyền*:* Ông Lâm Văn Th, sinh năm 1961.

Trú tại: Tổ 6, phường Y, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Có mặt

6. Ông Nông Nguyễn Thh, sinh năm 1968

Trú tại: Xóm Phia G, xã Đức L, huyện X, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt có lý do

- *Người làm chứng:*

1. Ông Lâm Văn Q, sinh năm 1956

Trú tại: TA2, phường Z, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Có mặt

2. Ông Mông Văn T, sinh năm 1961

3. Ông Trương Tiến T, sinh năm 1942

4. Ông Luân Văn T, sinh năm 1958

5. Ông Lâm Văn G, sinh năm 1960

Cùng trú tại: Xóm Phia G, xã Đức L, huyện X, tỉnh Cao Bằng. Đều vắng mặt tại phiên tòa có lý do.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Nguyễn Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, người được nguyên đơn ủy quyền anh Lâm Văn N trình bày.Gia đình anh và ông Lâm Văn T có mối quan hệ là họ hàng. Về nguồn gốc đất tranh chấp là do thừa kế của ông cha để lại cụ thể gồm có thửa 457 tờ bản đồ số 65 diện tích 2410m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số R134003, vào sổ cấp số 01107 ngày 07/11/2000 do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện X, tỉnh Cao Bằng mang tên Nguyễn Thị B. Đất có địa chỉ tại xóm: Phia G, xã Đức L, huyện X, tỉnh Cao Bằng: Ông Lâm Văn T đã lấn chiếm diện tích đất của bà B tại 03 (ba) vị trí khác nhau. Cụ thể:

Vị trí thứ nhất: Tại nhà bếp của ông T. Trước thời điểm được cấp GCNQSDĐ năm 2000, ông Lâm Văn D (bố đẻ của ông T) xin ông V (bố chồng bà B) một diện tích đất để làm lò rèn, hai bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau là sau khi ông D chết sẽ trả lại phần đất. Tuy nhiên đến khi ông D chết thì đến năm 2003 ông T xây dựng lại bếp đã lấn chiếm luôn diện tích đất đó vào khoảng 20m².Đất có tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp đường Hồ Chí Minh
- Phía Tây, Phía Nam giáp đất gia đình
- Phía Bắc giáp đất nhà ông T.

Vị trí thứ hai: Tại chuồng lợn cũ (phía sau nhà), nhà ông T xây dựng năm 2006; ông T thuê máy múc về múc vào diện tích đất của gia đình bà B khoảng 30m². Ví trí này có tứ cận:

- Phía Bắc giáp đất nhà ông T;
- Phía Nam giáp đất vườn nhà bà B;
- Phía Đông giáp chuồng lợn cũ nhà ông T;
- Phía Tây giáp đất bà B.

Vị trí thứ 3: Đất rẫy ngay phía sau nhà bà B, ông T lấn chiếm trồng sắn từ năm 2000, diện tích khoảng 650m²; Đất có tứ cận:

- Phía Tây giáp thửa 120 của ông T
- Phía Đông, Phía Nam, Phía Bắc giáp đất của gia đình.

Đối với những diện tích đất mà gia đình ông T lấn chiếm, gia đình bà B đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R134003 cấp ngày 07/11/2000 do UBND huyện X cấp với diện tích là 2410m² mang tên Nguyễn Thị B. Phần tranh chấp nằm tại thửa số 457 tờ bản đồ số 65.

Ngoài việc yêu cầu gia đình ông T trả lại quyền sử dụng các điểm tranh chấp đất, phía gia đình bà B không có yêu cầu nào khác. Tài sản trên đất tranh chấp do ông T tự xây dựng nên tự tháo dỡ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Lâm Văn T trình bày: Ông và chồng bà B tên Lâm Văn H là con chú, con bác. Nguồn gốc đất tranh chấp là do bố đẻ ông để lại cho thừa kế. Cụ thể là thửa đất số 456 thuộc tờ bản đồ số 65 diện tích 400m²; thửa 120 tờ bản đồ 64 diện tích 660m². Đất được vào sổ số 01138 để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R134972 ngày 07/11/2000 của UBND huyện X mang tên Lâm Văn T. Trên thực tế gia đình ông vẫn quản lý, sử dụng ổn định các thửa đất, vị trí, hiện trạng, diện tích đất cha ông để lại từ trước đến nay, không tranh chấp. GCNQSDĐ của gia đình đã được vợ chồng đem đi thế chấp vay Ngân hàng để phát triển kinh tế gia đình. Năm 2000 do nhà bà B đào mương thoát nước vào sau nhà bếp của gia đình nên có xảy ra xô sát, sau đó, đất ai từ trước đến nay vẫn quản lý, sử dụng ổn định như vậy. Năm 2015 do làm ăn thua lỗ, dẫn đến việc thanh lý hợp đồng vay nợ với Ngân hàng, Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của gia đình, có đề nghị nhà bà B ký giáp ranh về thửa đất, từ đó phát sinh mâu thuẫn và gia đình mới biết thửa đất 120 trên thực tế là của bà Trịnh Thị T, đám đất rẫy gia đình canh tác từ trước đến nay lại nằm trong thửa 457 thuộc GCNQSDĐ của bà B, nên nhà bà B mới khởi kiện tôi.

Việc gia đình bà B cho rằng tôi lấn chiếm đất, yêu cầu tôi trả quyền sử dụng đất tại 3 (ba) vị trí: Nhà bếp, chuồng lợn, đất rẫy trồng sắn tôi không nhất trí. Tôi đề nghị cơ quan có thẩm quyền chỉnh lý lại tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hiện trạng thực tế gia đình quản lý và sử dụng trước đến nay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Đại diện UBND huyện X có ý kiến: Trường hợp hai bên đương sự cùng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2000 là cấp theo chương trình dự án, cấp rất nhiều hồ sơ nên không tránh khỏi việc sai sót, khi phát hiện ra sai sót, cơ quan chuyên môn sẽ khắc phục

lại bằng cách thu hồi hoặc chỉnh lý lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện X trình bày: Ngày 16/12/2013 Agribank chi nhánh huyện X ký kết hợp đồng tín dụng số 201302161/HĐTD với bà Hoàng Thị M (vợ ông Lâm Văn T) có hộ khẩu thường trú tại xóm Phia G, xã Đức L, huyện X, tỉnh Cao Bằng. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sải thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R134972 vào sổ số 01138 do UBND huyện X, tỉnh Cao Bằng cấp ngày 07/11/2000 mang tên Lâm Văn T bao gồm các thửa đất: Thửa 120, 456, 2a thuộc tờ bản đồ số 64, 65, 76 tại địa chỉ xóm Phia G, xã Đức L, huyện X, tỉnh Cao Bằng. Do khách hàng làm ăn thua lỗ nên ngày 15/9/2015 bà Hoàng Thị M và chồng Lâm Văn T có bàn giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng Agribank chi nhánh X phát mại tài sản, trong quá trình bán tài sản thì mới phát sinh tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông T và bà Nguyễn Thị B. Việc ký kết hợp đồng thế chấp tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân bị sai sót thuộc về cơ quan chuyên môn, do vậy đề nghị cơ quan chuyên môn chỉnh lý lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, đề nghị Tòa án ưu tiên cho ngân hàng để xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của gia đình ông T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nông Nguyễn Th trình bày: Giữa ông và ông Lâm Văn T và bà Nguyễn Thị B là hàng xóm với nhau. Do có nhu cầu sử dụng đất nên tháng 4/2015 vợ chồng ông có giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Lâm Văn T và Hoàng Thị M với diện tích 140m² thuộc thửa 456 tờ bản đồ số 65 (liền kề tường rào bằng gạch của gia đình). Từ trước khi vợ chồng ông và vợ chồng ông T có giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất không thấy có tranh chấp giữa các bên là ông T bà bà B về quyền sử dụng đất mà có nghe nói chỉ cãi nhau về con mương thoát nước phía sau bếp nhà ông T. Vợ chồng ông không biết gì về việc vợ chồng bà M, ông T thế chấp với ngân hàng. Ông đề nghị với Tòa án, trường hợp ngân hàng xử lý tài sản thế chấp thì trừ phần diện tích đất ông đã được chuyển nhượng với ông T là 140m^2 ra sau đó mới được xử lý tài sản của ông T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị M (vợ của ông Lâm Văn T) xác nhận và trình bày: Từ trước đến nay giữa hai bên không có tranh chấp quyền sử dụng đất, mà chỉ cãi chửi nhau về con mương thoát nước do nhà bà B khơi thẳng vào lưng bếp nhỏ của gia đình. Tôi là người được chồng Lâm Văn T ủy quyền để thế chấp quyền sử dụng đất của gia đình đi vay vốn tại ngân hàng. Sau khi vợ chồng làm ăn thua lỗ nên ngân hàng xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, khi phát mại và ký giáp ranh với bà B nên mới phát sinh tranh chấp. Tôi nhất trí theo quan điểm của chồng tôi Lâm Văn T, đề nghị Tòa án giải quyết điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình tôi về đúng như thực tế sử dụng đất của các bên từ trước đến nay do cha ông để lại sau đó gia đình sẽ tự giải quyết với ngân hàng.

Người được người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trịnh Thị T ủy quyền là ông Lâm Văn Th trình bày: ông và bà B, ông T có quan hệ họ hàng gần với nhau (vợ chồng bà B (Hạnh); ông T (M) là anh chị con bác). Đối với thửa đất rẫy có tên trên bản đồ là thửa 120 tờ bản đồ số 64 đo đạc năm 1997, cạnh đám rẫy trồng Sắn của nhà bác T đang canh tác, liền gần nhà bà B, trên thực tế từ trước đến nay vẫn thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình, tuy nhiên do chưa có nhu cầu canh tác nên vợ chồng T, M có nhu cầu sử dụng, gia đình tôi vẫn đồng ý để cho bác T canh tác, tôi không biết việc nhà bác T kê khai thửa đất rẫy này vào bìa đỏ, sau đó đem thế chấp vay ngân hàng. Năm 2012 gia đình tôi đã làm thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng nay vẫn chưa được cấp vì địa chính đã cấp nhầm sang bìa đỏ ông T, đề nghị thửa đất rẫy của gia đình thì gia đình vẫn được quyền quản lý và sử dụng.

Ông Lâm Văn G xác nhận và trình bày: Ông là trưởng dòng họ Lâm tại xóm Khau Luông, Phia G, xã Đức L, X, Cao Bằng. Đối với các bên từ trước đến nay không tranh chấp, sử dụng đất ổn định theo như cha ông để lại đề nghị các bên bà B, ông T phải đoàn kết, giữa nguyên hiện trạng đất do được cha ông chia theo thực tế để tiếp tục quản lý và sử dụng.

Lời khai của những người làm chứng: Ông Mông Văn T, ông Trương Tiến T, ông Luân Văn T cùng xác nhận gia đình ông T trực tiếp quản lý, sử dụng diện tích đất đó từ năm 1982 đến nay, không xảy ra tranh chấp.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện X tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không thành.

Tại bản án sơ thẩm số 03/2017/DSST ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện X đã:

Áp dụng Điều 6; Điều 100; khoản 5 Điều 98 và điểm d khoản 2 Điều 106; Điều 203 Luật đất đai 2013; Điều 122 Bộ luật dân sự; Điều 235; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận một phần theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị B, ủy quyền cho anh Lâm Văn N về việc buộc ông Lâm Văn T phải trả lại quyền quản lý và sử dụng vị trí giáp ranh thửa đất đang tranh chấp tại chỗ bếp nhỏ của ông T với diện tích là 16,7m² (*Mười sáu phẩy bẩy mét vuông*) theo như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 457, tờ bản đồ địa chính số 65, diện tích 2410m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R134033, vào số số 01107 ngày 07/11/2000 do ủy ban nhân dân huyện X, Cao Bằng cấp mang tên Nguyễn Thị B (*theo đo đạc mới nhất tại bản đồ trích đo hiện trạng thực địa ngày 29/6/2017, số liệu thửa đất này có diện tích 2.340,2 - đã trừ phần GPMB*) Tại địa chỉ xóm Phia G, xã Đức L, huyện X, tỉnh Cao Bằng có tứ cận:

+ Phía Bắc giáp nhà ông T

+ Phía Nam giáp đất vườn nhà bà B

+ Phía Đông giáp đường Hồ Chí Minh

+ Phía Tây giáp mặt trước bếp nhà ông T

Buộc ông T tự dỡ bỏ phần xây lấn sang thửa đất 457 tờ bản đồ số 65 của gia đình bà B.

- Buộc ông Lâm Văn T phải thu dọn tài sản để trả lại quyền quản lý và sử dụng phần giáp ranh giữa hai thửa đất 456, 457 (*phần đang tranh chấp tại vị trí thứ nhất - có sơ đồ kèm theo*) cho bà Nguyễn Thị B diện tích 16,7m² (*mười sáu phẩy bẩy mét vuông*) tại vị trí tranh chấp thứ nhất có tứ cận:

+ Phía Bắc giáp nhà ông T

+ Phía Nam giáp đất vườn nhà bà B

+ Phía Đông giáp đường Hồ Chí Minh

+ Phía Tây giáp mặt trước bếp nhà ông T.

Tại địa chỉ xóm Phia G, xã Đức L, huyện X, tỉnh Cao Bằng.

- Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị B ủy quyền cho anh Lâm Văn N về việc đòi ông Lâm Văn T phải trả quyền quản lý và sử dụng phần giáp ranh của thửa đất phía sau nhà ông T (vị trí tranh chấp thứ hai - phần diện tích đã xây dựng chuồng lợn và bể Bioga đo thực tế có diện tích 98,4m²) nằm trong thửa đất 456 tờ bản đồ số 65 (theo bản đồ năm 1997) của xã Đức L, huyện X, Cao Bằng vì không có căn cứ pháp luật.

- Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị B ủy quyền cho anh Lâm Văn N về việc đòi ông Lâm Văn T phải trả lại quyền quản lý và sử dụng thửa đất rẫy trồng sắn giáp liền phía sau nhà bà B (vị trí tranh chấp thứ ba - đám rẫy trồng sắn) có diện tích 584.3m² đã bị đo gộp vào trong thửa 457, tờ bản đồ số 65 (theo bản đồ năm 1997) của xã Đức L, X, Cao Bằng vì không có căn cứ pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, các bên đương sự Nguyễn Thị B và Lâm Văn T có trách nhiệm liên hệ với cơ quan chức năng và Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh X, Cao Bằng làm thủ tục thửa đất nói trên theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị với UBND huyện X để điều chỉnh về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R134003, vào số cấp số 01107 ngày 07/11/2000 của UBND huyện X tên Nguyễn Thị B và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R134972 cấp ngày 07/11/2000 của UBND huyện X mang tên Lâm Văn T cùng trú tại xóm Phia G, xã Đức L, X, Cao Bằng theo đúng ranh giới, hiện trạng và người quản lý, sử dụng đất (có sơ đồ kèm theo) theo quy định của pháp luật đất đai.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13 tháng 9 năm 2017 nguyên đơn Nguyễn Thị B có đơn kháng cáo không nhất trí với bản án sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện X. Bà yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm buộc ông T phải trả lại quyền sử dụng đất tại 3 điểm tranh chấp và xem lại phần án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông Lâm Văn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị M trình bày: Không nhất trí với yêu cầu của bà B, diện tích đất hiện nay gia đình đang sử dụng là do thừa kế của ông cha để lại, không có sự lấn chiếm với bà B. Còn đám đất gia đình trồng sắn đã bị cơ quan nhà nước cấp nhầm vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà B, yêu cầu cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh lại mang đúng tên hai vợ chồng tôi. Chúng tôi sẽ giải quyết với ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Còn phần đã chuyển nhượng cho anh Th chúng tôi đã thỏa thuận tự giải quyết với nhau sau. Không yêu cầu xem xét trong vụ án này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện X có ông Nguyễn Hữu T trình bày: Vào thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hai hộ ông Lâm Văn T và bà Nguyễn Thị B thì UBND huyện X lúc đó cấp theo dự án nhiều có rất nhiều hộ dân làm hồ sơ, nên việc sau sót không thể tránh khỏi, việc Tòa án huyện X xác minh đối với cán bộ địa chính bà Hoàng Thị Bích Huệ là cán bộ địa chính xã Đức L, huyện X là có căn cứ, cán bộ phụ trách địa chính là người trực tiếp nắm rõ về địa bàn cũng như về phần diện tích đất, loại đất tại địa phương, hơn nữa nội dung mà cán bộ địa chính xã cung cấp cho Tòa án là chính xác, cán bộ cung cấp nội dung không phải tư cách là cá nhân mà là đại diện cho chính quyền phụ trách chuyên môn. Theo quan điểm của UBND huyện khi xác định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân mà sai về diện tích đất hoặc sai về số thửa...thì sẽ được UBND huyện và Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện X phối hợp khắc phục để cấp lại hoặc chỉnh lý lại cho phù hợp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh X, đại diện theo ủy quyền bà Bế Hồng N có ý kiến: Đối với hợp đồng vay và thế chấp tài sản giữa gia đình ông T và bà M đều thực hiện đúng quy định của pháp luật. Trước khi ký hợp đồng thế chấp tài sản ông T và Bà M đã chỉ cho ngân hàng diện tích đất của gia đình trong đó có thửa đang trồng sắn mà bị cấp nhầm vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà B, chúng tôi có qua xã xác nhận những thửa đất của gia đình ông T canh tác không có tranh chấp với ai, sau này mới phát hiện ra đất có sự cấp nhầm vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người khác nên phía ngân hàng cũng yêu cầu UBND huyện và Văn phòng

đất đai chi nhánh huyện X sớm chỉnh lý lại bìa đỏ cho ông T và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết ưu tiên cho ngân hàng xử lý tài sản thế chấp đối với những thửa đất của bà M và ông T.

Tại biên bản thỏa thuận ngày 25/01/2018 giữa ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện X, ông Lâm Văn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nông Nguyễn Thh trình bày: Tháng 4/2015 gia đình tôi có làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với gia đình ông T 140m^2 tại thửa 456 tờ bản đồ số 65, thì chưa xảy ra tranh chấp giữa nhà bà B và ông T. Về phần đất mà gia đình đã mua với ông T bà M chúng tôi và ngân hàng sẽ tự giải quyết với nhau không yêu cầu tòa án xem xét trong vụ án này. Đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Người đại diện cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị T anh Lâm Văn Th trình bày: Sau khi sự việc tranh chấp giữa bà B và ông T xảy ra thì gia đình anh mới biết thửa 120 tờ bản đồ 64 tại xóm Phia G, xã Đức L, huyện X, Cao Bằng lại nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T. Nay gia đình anh Thăng yêu cầu phía cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trịnh Thị T đứng tên quyền sử dụng thửa 120 tờ bản đồ 64 .

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 25/1/2018 và quá trình tố tụng tại tòa người làm chứng Ông Lâm Văn G trình bày: Thửa đất số 119 giáp ranh với thửa 456 của ông T bà M và giáp thửa 457 của bà B hiện nay do gia đình tôi đang quản lý sử dụng. Không có liên quan gì đến phần tranh chấp của ông T và bà bà B. Ông Giai là trưởng họ Lâm cũng thừa nhận phần đất gia đình ông T sử dụng liên tục từ thời ông cha để lại, không có tranh chấp với ai. Nay gia đình bà B có yêu cầu Tòa án giải quyết cho rằng ông T tranh chấp là không đúng.

Ngoài ra những người làm chứng Mông Văn T, Trương Tiến T, Luân Văn T đều có đơn xin xét xử vắng mặt và có đơn trình bày cho rằng phần đất tranh chấp giữa gia đình bà B và ông T là do gia đình ông T sử dụng liên tục từ đời ông cha, không có tranh chấp, hơn nữa việc này đã được họ Lâm họp và thống nhất.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nguồn gốc đất của hai hộ ông Lâm Văn T và bà Nguyễn Thị B là do thừa kế ông cha để lại, đối với phần đất của gia đình ông T sử dụng đã được bố ông T sử dụng từ khi Hợp tác xã giải thể, không có tranh chấp với ai, tuy nhiên khi gia đình ông T làm hợp đồng thế chấp tài sản, ngân hàng xử lý tài sản của ông T thì mới phát hiện ra đất ông T đã bị cơ quan có thẩm quyền cấp nhầm vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị B, nhưng những người làm chứng, và anh em thuộc họ Lâm đều khẳng định phần đất của ông T đã sử dụng đã từ lâu, không có tranh chấp việc bà B cho rằng gia đình ông T lấn chiếm là không đúng. Hơn nữa tại Tòa, ông Lâm Văn N đại diện theo ủy quyền của bà B cũng không cung cấp được chứng cứ gì thêm đối với kháng cáo của bà B nên không có căn cứ để chấp nhận.

Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật TTDS năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Cao Bằng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp để giải quyết vụ kiện : "Tranh chấp quyền sử dụng đất" là có căn cứ.

[2] Về tố tụng: Ngày 25/1/2018 những người làm chứng Mông Văn T, Lâm Văn G, Trương Tiến T, Luân Văn T đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy việc xin xét xử vắng mặt của những người làm chứng là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành giải quyết vụ án.

[3] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị B và các căn cứ kháng cáo: Về nguồn gốc thửa đất 457 tờ bản đồ số 65 tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R134003 ngày 07/11/2000 do UBND huyện X cấp mang tên Nguyễn Thị B là do ông cha bên chồng bà B để lại thừa kế cho chồng bà, sau khi chồng mất bà B là

người đứng tên quyền sử dụng, tuy nhiên bà B cho rằng ông T lấn chiếm vào đất của bà gồm có 03 điểm cụ thể:

- Điểm 1: Năm 2003 ông T xây dựng bếp đã lấn chiếm vào đất của bà là khoảng 20m^2 . Diện tích đất này có tứ cận:

Phía Đông giáp đường Hồ Chí Minh

Phía Tây, phía Nam giáp đất gia đình bà B

Phía Bắc giáp đất nhà ông T

- Điểm thứ 2 : Năm 2006 ông T thuê máy múc về múc vào diện tích đất của bà khoảng 30m² tại phần chuồng lợn cũ phía sau nhà ông T. Diện tích đất có tứ cận:

Phía Bắc giáp nhà ông T

Phía Nam giáp đất vườn bà B

Phía Đông giáp chuồng lợn cũ của ông T

Phía Tây giáp đất bà B

- Điểm thứ 3: Năm 2000 ông T lấn chiếm vào diện tích đất của bà để trồng sắn diện tíchkhoảng 650m^2. Có tứ cận:

Phía Tây giáp thửa 120

Phía Đông, Nam, Bắc giáp đất gia đình bà B

Tất cả phần đất ông T lấn chiếm đều nằm tại thửa 457 tờ bản đồ số 65 đứng tên quyền sử dụng đất là bà Nguyễn Thị B.

Hội đồng xét xử nhận thấy đối với điểm tranh chấp thứ nhất: Bà B cho rằng trước đây ông D (Bố của ông T) có xin ông V (là bố chồng bà B) để làm lò rèn, hai bên chỉ trao đổi miệng, không lập giấy tờ. Tuy nhiên bà B không có chứng cứ để chứng minh việc gia đình cho mượn đất, hơn nữa tại phiên tòa ông T bà M và những người trong dòng họ Lâm đều cho rằng năm 1995 ông T xây bể nước chỗ lò rèn cũ, sau đó năm 2003 ông T mới xây bếp trên nền liền phần bể nước, khi đó chồng bà B (là ông Hạnh) vẫn còn sống không có ý kiến gì xảy ra tranh chấp hơn nữa những người làm chứng cũng đều thừa nhận gia đình ông T sử dụng những diện tích tranh chấp trên đã lâu, từ thời ông cha để lại. Do vậy có đủ căn cứ để khẳng định tại điểm thứ nhất này ông T không lấn chiếm vào phần đất thuộc quyền sử dụng của bà B. Tuy nhiên phần ô bếp nhỏ mà gia đình ông T xây dựng, qua

thẩm định tại chỗ cấp sơ thẩm đã đo đạc và xác định được khi xây bếp ông T đã xây lấn chiếm vào diện tích thửa đất 457 tờ bản đồ số 65 thuộc quyền sử dụng của bà B là 16,7m^2. (cụ thể có các góc cạnh 1.08; 1.16; 2,54; 3,77; 2,4) làm ảnh hưởng đến dòng chảy của mương nước.

Phần đất này có các hướng tiếp giáp như sau:

Phía Đông giáp đường Hồ Chí Minh

Phía Tây, phía Nam giáp đất gia đình bà B

Phía Bắc giáp đất nhà ông T

Do vậy phần lấn chiếm này cấp sơ thẩm xử buộc ông T phải có trách nhiệm tháo dỡ tài sản trên đất để trả lại quyền sử dụng đất cho bà B là có căn cứ.

Đối với điểm tranh chấp thứ 2: Bà B cho rằng gia đình ông T đã lấn vào phần chuồng lợn cũ, tuy nhiên phần đất này gia đình ông T đã xây từ năm 2006, nhưng vẫn xây trên nền đất cũ của gia đình, việc này đã được bà B thể hiện tại bản tự khai ngày 01/3/2017, biên bản hòa giải ngày 17/2/2015 do tòa án huyện X tiến hành. Hơn nữa năm 2009, 2010 khi thực hiện đo đạc hiện trạng sử dụng đất để phục vụ công trình đường giao thông Hồ Chí Minh, các bên cũng cùng thừa nhận không có tranh chấp và đã nhất trí như thực tế hiện trạng sử dụng và cũng đã nhận tiền đền bù đầy đủ, hơn nữa những người trong dòng họ Lâm cũng khẳng định phần đất của gia đình ông T đã sử dụng thực tế từ thời ông cha, không có xảy ra việc tranh chấp. Như vậy có đủ căn cứ để khẳng định ông T đã sử dụng phần diện tích đất này từ trước đó không có sự lấn chiếm vào phần đất của bà B tại vị trí thứ 2 (*Phần đất chuồng lợn cũ*).

Đối với điểm tranh chấp thứ 3: Phần thửa đất rẫy trồng sắn phía sau nhà bà B, được ngăn cách bởi hàng rào gai găng do bà B trồng có tứ cận:

Phía Đông giáp đất bà B

Phía Tây giáp thửa 120

Phía Nam giáp đường đất

Phía Bắc giáp dãy tre nhà ông T

Qua cấp sơ thẩm xem xét thẩm định tại chỗ, thửa đất này có diện tích 584,3m^{2,} không có tên trong sổ địa chính và đã được đo gộp vào thửa 457 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà B. Tại biên bản xác minh của cán bộ

địa chính xã Đức L đã khẳng định thửa đất rẫy gia đình ông T sử dụng trồng sắn từ trước đến nay đã bị đo gộp vào thửa 457 của gia đình bà B, tại công văn số 09/Cv-VPDKĐĐ ngày 05/5/2016 của văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện X xác nhận: "Diện tích đất vườn gia đình nhà ông T sử dụng đã đo gộp vào thửa 457 của bà B...Thửa 120 tờ bản đồ số 64 thì lại được cấp nhầm vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T" hơn nữa lời khai của những người làm chứng cũng khẳng định đám đất rẫy này gia đình ông T được ông cha để lại thừa kế và vẫn sử dụng từ khi Hợp tác xã giải thể đến nay. Như vậy có đủ căn cứ để khẳng định đám đất rẫy này thuộc quyền sử dụng của ông T, việc đo gộp vào thửa 457 của gia đình bà B là do lỗi của cơ quan chuyên môn, do vậy cần thiết phải chỉnh lý lại đám rẫy do ông T quản lý sử dụng vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông T, và thửa số 120 cần được chỉnh lý vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trịnh Thị T.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay anh N cho rằng gia đình đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc làm thủ tục kê khai cấp giấy chứng nhận là đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên tại phiên tòa những người làm chứng và trưởng dòng họ Lâm, ông Lâm Văn G cũng khẳng định toàn bộ diện tích đất tại các điểm tranh chấp giữa bà B và gia đình ông T là do gia đình ông T đã sử dụng từ đời ông cha, không có tranh chấp, mặc dù nhà bà B có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên phần diện tích đất thực tế sử dụng lại không phải do gia đình bà B quản lý sử dụng, hơn nữa tại phiên tòa đại diện UBND huyện X cũng thừa nhận thời điểm năm 2000 việc cấp giấy chứng nhận cho người dân là cấp theo dự án do vậy không tránh khỏi sai sót, hơn nữa cán bộ địa chính xã Đức L cũng khẳng định đám rẫy nhà ông T trồng sắn đã cấp nhầm vào thửa 457 của bà B, thửa số 120 lại cấp nhầm vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T. Như vậy có đủ căn cứ để khẳng định yêu cầu của bà B không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà B về phần án phí: Tại đơn kháng cáo bà cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ tuyên trả án phí cho bà 200.000,đ00. Tuy nhiên tại bản án số 03/2017/DSST ngày 29/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện X đã tuyên hoàn trả cho bà số tiền là 1.750.000đ00, không có phần nào tuyên trả cho bà

án phí 200.000,đ00. Do vậy không có căn cứ để xem xét chấp nhận đối với yêu cầu này của bà B.

Tại phiên tòa hôm nay gia đình bà B cũng không có căn cứ gì thêm để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà do vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để xem xét chấp nhận yêu cầu của Bà B.

[5] Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị T: Đối với thửa số 120 tờ bản đồ số 64 của gia đình bà Trịnh Thị T quản lý sử dụng cũng bị cấp nhầm vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông T. Tại cấp sơ thẩm gia đình bà Trịnh Thị T yêu cầu được quyền sử dụng, tuy nhiên cấp sơ thẩm cho rằng các bên đương sự không có tranh chấp nên không xem xét là thiếu sót, trong vụ án này bà Trịnh Thị T không có yêu cầu độc lập nhưng bà vẫn tham gia tố tụng với tư các là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, hơn nữa bà cũng yêu cầu được quyền sử dụng thửa đất số 120, tuy nhiên thửa đất này cũng đã bị cấp nhầm vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T cũng cần thiết phải yêu cầu cơ cquan chuyên môn chỉnh lý lại vào giấy chứng nhận của bà Trịnh Thị T là phù hợp với quy định của pháp luật. Việc cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết dứt điểm quyền lợi của bà Trịnh Thị T trong vụ án này là thiếu sót cần phải rút kinh nghiệm.

[8] Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nông Nguyễn Th tại cấp sơ thẩm ông Th cũng yêu cầu khi Tòa xem xét giải quyết vụ án thì cần tách riêng 140m^2 do gia đình ông mua với ông T tại thửa 456 tờ bản đồ số 65 đo vẽ năm 1997 cho gia đình anh. Phần thửa đất 456 này đã được gia đình ông T thế chấp với ngân hàng nông Nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện X trước khi chuyển nhượng cho ông Th. Mặc dù cấp sơ thẩm vẫn cho ông Th tham gia tố tụng, ông Th vẫn có yêu cầu được quyền sử dụng 140m² đất đã nhận chuyển nhượng với ông T, án cấp sơ thẩm không nhận định trong bản án, không xem xét đến quyền lợi của ông Nông Nguyễn Thh là thiếu sót cần được rút kinh nghiệm. Tuy nhiên tại cấp phúc thẩm ông Th, ông T, và đại diện ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện X cùng thống nhất và tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu xem xét đối với diện tích 140m^2 mà gia đình ông Th đã nhận chuyển nhượng từ gia đình ông T tại thửa 456, do vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra vấn dề xem xét giải quyết.

[9] Đối ông Lâm Văn G: Tại phiên tòa sơ thẩm và tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 25/01/2018 ông Giai đều thừa nhận thửa đất số 119 của gia đình ông đang sử dụng không liên quan, không có tranh chấp về ranh giới đối với các thửa 456, 457 do vậy ông không yêu cầu tòa xem xét trong vụ án này. Yêu cầu của ông là phù hợp nên cần được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Hội đồng xét xử xét thấy quyền lợi của ông Lâm Văn G không bị thiệt hại, thửa đất số 119 của ông vẫn do gia đình quản lý sử dụng, không xảy ra tranh chấp với những người quản lý các thửa đất liền kề, do vậy cấp sơ thẩm xác định ông Lâm Văn G tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là thiếu chính xác, quá trình tố tụng tại Tòa ông Giai xác nhận ông là trưởng dòng họ Lâm, ông cho rằng việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà B và ông T là không đúng, phần đất của gia đình ông T đã sử dụng liên tục từ đời ông cha đến nay, không xảy ra tranh chấp. Do vậy cần xác định ông Lâm Văn G tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng trong vụ án thì mới chính xác.

[10] Đối với yêu cầu của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện X, yêu cầu cơ quan chuyên môn là UBND huyện X và chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện X sớm chỉnh lý lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T để Ngân hàng sớm xử lý được tài sản thế chấp. Xét thấy yêu cầu của ngân hàng là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

Việc điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc về cơ quan chuyên môn Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện X và UBND huyện X.

Từ những căn cứ và phân tích nêu trên Hội đồng xét xử cần giữ nguyên án sơ thẩm.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà B phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 100; khoản 5 Điều 98 và điểm d khoản 2 Điều 106; Điều 203 Luật đất đai 2013. Khoản 1 Điều 29 nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị B. Giữ nguyên án sơ thẩm dân sự số 03/2017/DSST ngày 29/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Cao Bằng.

- Bác đơn kháng cáo của Nguyễn Thị B về việc đòi quyền sử dụng diện tích tại điểm tranh chấp thứ 1 là 20m^2 , điểm thứ 2 là phần diện tích chuồng lợn cũ là 98,4m^2, phần thứ 3 là diện tích đất sau nhà 584,3m^2 đối với ông Lâm Văn T và phần án phí của bản án sơ thẩm.

- Xử buộc gia đình ông Lâm Văn T phải tháo gỡ tài sản trên đất để trả lại quyền sử dụng phần đất giáp ranh giữa 2 thửa 456 và 457 (phần tranh chấp ở vị trí thứ 1) cho bà Nguyễn Thị B diện tích 16,7m^2. Diện tích đất có tứ cận:

- Phía Bắc giáp nhà ông T

- Phía Nam giáp đất vườn nhà bà B

- Phía Đông giáp đường Hồ Chí Minh

- Phía Tây giáp mặt trước bếp nhà ông T

Địa chỉ tại xóm Phia G, xã Đức L, huyện X, tỉnh Cao Bằng.

Có bản đồ trích đo kèm theo bản án.

- Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị B về việc yêu cầu ông Lâm Văn T phải trả lại quyền sử dụng phần giáp ranh của thửa đất phía sau nhà ông T (Vị trí tranh chấp thứ 2) và phần yêu cầu ông Lâm Văn T phải trả lại quyền quản lý sử dụng thửa đất rẫy trồng sắn giáp liền phía sau nhà bà B (Vị trí tranh chấp thứ 3) có diện tích thực tế 584,3m^2 do đã bị đo gộp vào thửa 457 tờ bản đồ số 65 đo vẽ năm 1997.

Các bên đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan chuyên môn có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Kiến nghị UBND huyện X, Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện X điều chỉnh lại GCNQSD đất của gia đình Lâm Văn T, bà Trịnh Thị T, bà Nguyễn Thị B cho đúng với diện tích thực tế sử dụng và bản đồ địa chính.

2. Tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu của ông Nông Nguyễn Thh, về việc yêu cầu gia đình ông Lâm Văn T làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích 140m^2 tại thửa đất 456 tờ bản đồ số 65 tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R134972 do UBND huyện X cấp ngày 07/11/2000 mang tên ông Lâm Văn T vì các bên đương sự không yêu cầu.

3. Đề nghị bà Trịnh Thị T đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 120 tờ bản đồ số 64 địa chỉ thửa đất: xóm Phia G, xã Đức L Huyện X, tỉnh Cao Bằng.

4. Việc xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện X đối với tài sản của ông Lâm Văn T và bà Hoàng Thị M được xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm để sung công quỹ nhà nước. Xác nhận bà B đã nộp đủ án phí phúc thẩm theo biên lai số AB/2012/02178 ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Cao Bằng.

Bà Nguyễn Thị B không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự. Hoàn trả cho bà B số tiền dự phí dân sự sơ thẩm do bà B đã nộp là 1.750.000,^{đ}00 tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2011/000706 ngày 26/11/2015 tại Chi cục thi hành án huyện X, tỉnh Cao Bằng.

Xử buộc ông Lâm Văn T phải chịu 300.000,^{đ}00 án phí sơ thẩm dân sự để sung công quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đươc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh;
- CCTHADS huyện X;
- TAND huyện X;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Như